SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 25/11/2022 17:07:51

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LAI CHÂU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2273/QĐ-UBND | *Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

## UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Phạm Thị Mùi - Cư trú tại bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 188.887.604 đồng.

*(Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu, tám trăm tám mươi bẩy nghìn, sáu trăm linh bốn đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Phạm Thị Mùi có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Văn Xiêng**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số: 2273/QĐ-UBNDngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)*

| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Phương án thẩm định | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | |
| **11** | **Hộ gia đình bà Phạm Thị Mùi (chồng Nguyễn Văn Nguyện)** | | | | | |
| | Địa chỉ: bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu | | | | | |
| | Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d) | | | | **188.887.604** | |
| *a* | *Về đất* | | | | *32.178.900* | |
| 1 | Diện tích thu hồi | $m^2$ | 869,7 | | | |
| 2 | Loại đất | | | | | |
| | Đất trồng lúa 1 vụ | $m^2$ | 869,7 | 37.000 | 32.178.900 | |
| | Vị trí (VT1) (KV1) | | | | | |
| | Nguồn gốc: Thửa đất số 461; 463; 465; 466; 467; 519; 520; 579 tờ bản đồ địa chính số 112 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276 462 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 16/1/2017. Phần diện tích đất chồng lấn thửa đất số 1033 tờ bản đồ địa chính số 112 loại đất SON và chồng lấn thửa đất 522 tờ bản đồ 112 loại đất BCS đang quy đất UBND xã quản lý. Nguyên nhân: Là do sai số trong các lần đo đạc, phần diện tích đất trên do gia đình bà Mùi đang sử dụng ổn định không tranh chấp và có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử đất đã cấp.<br>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. | | | | | |
| *b* | *Tài sản vật kiến trúc* | | | | *23.589.104* | |
| | ***Tài sản tạo lập năm 2018 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020 ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)*** | | | | | |
| 1 | Kè đá xếp khan (1,4*0,4*45) kè ao | $m^3$ | 25,2 | 141.900 | 3.575.880 | |
| 2 | San cải tạo ruộng tính bằng Ao đào không phân biệt đất cấp (1,4* 245,2 m2) | $m^2$ | 343,3 | 58.300 | 20.013.224 | |
| *c* | *Cây trồng, vật nuôi* | | | | *4.404.000* | |
| 1 | Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4 trồng giáp bờ suối | Cây | 1,0 | 192.000 | 192.000 | |
| 2 | Cây chuối cao > 1,2m trồng giáp bờ suối | Cây | 15,0 | 24.000 | 360.000 | |
| 3 | Cây chuối cao < 1,2m trồng giáp bờ suối | Cây | 18,0 | 18.000 | 324.000 | |
| 4 | Sản lượng lúa 700m2*5,6 tấn/ha/năm | kg | 392,0 | 9.000 | 3.528.000 | |

| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Phương án thẩm định | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | |
| *d* | ***Chính sách hỗ trợ*** | | | | ***128.715.600*** | |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu | đồng/m2 | 869,7 | 148.000 | 128.715.600 | |